

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long, ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị H1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Chị Lâm Thị H1 và anh Nguyễn Đức H2 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện anh H2 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Nguyễn Đức H2.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khải P, sinh ngày 25/9/2013, hiện cháu do ông Nguyễn Đ và bà Hồ Thị H3 (bố và mẹ của anh H2, trú tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) trực tiếp nuôi

dưỡng. Nguyên vọng của chị H1 được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ghi ngày 27/7/2022, anh Nguyễn Đức H2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H2 thống nhất với nội dung trình bày của chị Lâm Thị H1. Trong thời kỳ hôn nhân, anh H2 và chị H1 thường xuyên mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh H2 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ nên anh đồng ý ly hôn đối với chị H1.

Về con chung: Anh H2 và chị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khải P, sinh ngày 25/9/2013, hiện cháu do ông bà nội nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt tất cả các đương sự nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị H1 và anh Nguyễn Đức H2 hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị H1 được ly hôn đối với anh H2; giao con chung là cháu Nguyễn Khải P cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn và con chung*”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị H1 và anh Nguyễn Đức H2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được

pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H2; anh H2 hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ và đồng ý ly hôn đối với chị H1. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lâm Thị H1 và anh Nguyễn Đức H2 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Lâm Thị H1 và anh Nguyễn Đức H2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khải P, sinh ngày 25/9/2013, chị H1 và anh H2 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản xác minh ngày 03/8/2022, chính quyền địa phương cung cấp: “*Cháu Nguyễn Khải P hiện đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Đ và bà Hồ Thị H3, tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Đ và bà Hồ Thị H3 không đồng ý cho cán bộ Tòa án ghi lời khai của cháu P vì không muốn cháu bị ảnh hưởng tâm lý*”, do vậy không thể xác định được nguyện vọng của cháu Nguyễn Khải P muốn ở với ai.

Tuy nhiên, anh Nguyễn Đức H2 hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cần giao cháu Nguyễn Khải P cho chị Lâm Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị H1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị H1 được ly hôn đối với anh Nguyễn Đức H2.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Khải P, sinh ngày 25/9/2013 cho chị Lâm Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa

án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Lê Thị Bích L nộp thay) theo Biên lai số AA/2021/0019666 ngày 17/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng